

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 271/2024/DS-ST
Ngày: 14-8-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thura;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bành Quốc Trung;
2. Ông Trần Công Mẫn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 169/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích M, sinh năm 1973;
Địa chỉ: số D P, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Trọng K, sinh năm 1978; (Xin vắng mặt).
Địa chỉ: số G P, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;
(Theo văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024).

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm: 1964; (Vắng mặt).
Địa chỉ: số A N, khu phố E, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang;
2.2. Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962; (Vắng mặt).
Địa chỉ: số D khu phố I, phường A, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vợ chồng bà H, ông C có vay của chị M tổng cộng 87.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, trả lãi hàng tháng, khi nào muốn lấy lại vốn sẽ báo trước vài tháng, khi vay có làm biên nhận nợ do bà H ký tên. Tuy nhiên sau khi vay

bà H, ông C chỉ trả được 15.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ lại 72.000.000 đồng tiền vốn. Do quyền lợi bị xâm phạm nên nay chị M yêu cầu ông C, bà H trả lại 72.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Ngọc C vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị Như H có nơi cư trú tại phường B, thành phố G và bị đơn Nguyễn Ngọc C có nơi cư trú tại phường A, thành phố G nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông C, bà H vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Chị M khởi kiện yêu cầu ông C, bà H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền nợ 72.000.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do bà H ký tên ngày 10/11/2022. Bị đơn ông C, bà H vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được thể hiện qua biên nhận mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Lời trình bày của chị M là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì trong biên nhận thể hiện vào ngày 04/11/2023 vay 30.000.000 đồng; ngày 19/12/2023 vay 10.000.000 đồng; tháng 12/2023 vay 22.000.000 đồng; ngày 28/12/2023 vay 12.000.000 đồng; ngày 20/02/2024 vay 8.000.000 đồng; ngày 24/02/2024 vay 5.000.000 đồng. Tổng cộng ông C, bà H có vay tiền của chị M là 87.000.000 đồng, sau khi vay ông C, bà H chỉ trả được 15.000.000 đồng tiền vốn thì ngưng, còn nợ lại 72.000.000 đồng tiền vốn.

Bị đơn ông C, bà H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng ông, bà vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị M. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự

kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy ông C, bà H đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Xét thấy số tiền trên ông C, bà H vay đã lâu, khi vay có thỏa thuận trả lãi hàng tháng nhưng ông C, bà H đã không trả tiền lãi cho chị M đúng quy định, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Chị M đã nhiều lần yêu cầu ông C, bà H trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn cho nguyên đơn. Việc bị đơn vắng mặt là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị M.

Do chị M không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị M là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Ông C, bà H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích M.

Buộc bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Ngọc C có nghĩa vụ trả cho chị M tổng cộng 72.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Ngọc C phải chịu 3.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị **Nguyễn Thị Bích M** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000798 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TPGC;
- Chi cục THADS TPGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Văn Thừa